

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 01-8-2025

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Lâm Tự.

Ông Liêu Trinh Húy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025, về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Chí C, sinh ngày 08/6/1979 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi ĐKTT: Thôn C, xã B, tỉnh Gia Lai. Địa chỉ liên lạc: Số B T, ấp T, xã Đ, tỉnh Đồng Nai.

Số căn cước công dân: 052079023375, ngày 12/4/2022.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị L, sinh ngày 01/01/1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ.

Số căn cước công dân: 094186015156.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2025, nguyên đơn ông Nguyễn Chí C trình bày: Ông và bà L tự nguyện sống chung, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định vào ngày 18/3/2008. Đến năm 2009 thì ông và bà L không còn sống chung với nhau, đến nay không có con chung.

- Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị L.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Giữa ông và bà L không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị L vắng mặt, quá trình giải quyết không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, thì thấy ông C yêu cầu ly hôn và Tòa án đã thông báo cho bà L biết việc ông C yêu cầu ly hôn nhưng bà không có ý kiến, đồng thời vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài đủ chứng minh hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận cho ông C được ly hôn với bà L. Đối với các vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí buộc ông C phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông C khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nay là xã V, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự đến phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Ông C và bà L tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã M, huyện P, tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, ông C có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng thực tế giữa ông C và bà L đã sống ly thân, không còn thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Bà L đã được thông báo về việc ông C khởi kiện ly hôn và triệu tập hòa giải, bà không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C được ly hôn với bà L

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông C và bà L không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Nguyên đơn ông Nguyễn Chí C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Chí C được ly hôn với bà Lê Thị L.
2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
3. Ông Nguyễn Chí C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, ông Nguyễn Chí C đã nộp xong án phí theo biên lai thu số 0001864 ngày 14/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Bình Dương,
tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai

